

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI**

---

**NGUYỄN THỊ NGÀ**

**HÌNH TƯỢNG TÁC GIẢ NỮ**  
**TRONG THƠ THỜI CHỐNG MỸ**

**CHUYÊN NGÀNH : LÝ LUẬN VĂN HỌC**

**MÃ SỐ : 62.22.31. 01**

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ NGỮ VĂN**

**HÀ NỘI – 2010**

**LUẬN ÁN ĐƯỢC HOÀN THÀNH TẠI:**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI**

***Người hướng dẫn khoa học: PGS. TS Phùng Ngọc Kiếm***

***Phản biện 1: PGS.TS Phan Trọng Thuởng***

***Viện Văn học***

***Phản biện 2: PGS. TS Lý Hoài Thu***

***Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn***

***Đại học Quốc gia Hà Nội***

***Phản biện 3: PGS.TS Ngô Văn Giá***

***Trường Đại học Văn hóa Hà Nội***

Luận án sẽ được bảo vệ tại hội đồng chấm luận án Tiến sĩ cấp Nhà nước họp tại: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội vào hồi .... giờ.....ngày.....tháng.....năm 2010.

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia

- Thư viện Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

## DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN NỘI DUNG LUẬN ÁN

1. Nguyễn Thị Nga (2005), *Những vết nhức đeo hằn trong trái tim người thiếu nữ qua thơ viết về chiến tranh của Lê Thị Mây*, Tạp chí Cửa Việt (127) trang 74 -79.
2. Nguyễn Thị Nga (2005), *Chiến tranh và số phận người phụ nữ*, Thông báo khoa học – CĐSP Quảng Bình (5) trang 35 - 40.
3. Nguyễn Thị Nga (2006), *Trái tim mang dáng lười cày*, Báo Văn nghệ (48) (ngày 2/12/2006) trang 5.
4. Nguyễn Thị Nga (2007), *Đến với bài thơ hay: Vô đề của Lê Thị Mây*, Tạp chí Nhật lệ (144) trang 58-59.
5. Nguyễn Thị Nga (2008), *Ru con – một kiểu giọng điệu đặc trưng của thơ nữ chống Mỹ*, Tạp chí Nhật lệ (164) trang 69 – 73.
6. Nguyễn Thị Nga (2008), *Hình tượng tác giả trong mối quan hệ với chủ thể sáng tạo*, Thông báo khoa học - Đại học Quảng Bình (4) trang 29 -32.
7. Nguyễn Thị Nga (2008), *Hồ Xuân Hương với cái nhìn thẩm mỹ*, Thông báo khoa học - Đại học Quảng Bình (4) trang 165 -168.
8. Nguyễn Thị Nga (2009), *Về âm thanh tiếng gà trưa và nỗi lòng của Xuân Quỳnh*, Tạp chí giáo dục thời đại (207) trang 33- 34.
9. Nguyễn Thị Nga (2009), *Hình tượng Tổ quốc trong thơ nữ chống Mỹ*, Tạp chí văn nghệ Quân đội, (696) trang 97-103.
10. Nguyễn Thị Nga (2009), *Biểu tượng hoa trong thơ nữ chống Mỹ*, Tạp chí Diễn đàn văn nghệ (169) trang 59-61
11. Nguyễn Thị Nga (2009), *Biểu tượng thiên nhiên trong thơ nữ chống Mỹ*, Tạp chí nghiên cứu văn học số 7 (449) trang 74-84.
12. Nguyễn Thị Nga (2009), *Hùng ca hào sảng- giọng điệu chủ âm của thơ nữ chống Mỹ*, Thông báo khoa học - Đại học Quảng Bình (5) trang 91-96.

# MỞ ĐẦU

## I. LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI

**1.1.** Là hình tượng chủ thể sáng tạo tác phẩm, hình tượng tác giả (HTTG) có vai trò, vị trí, đặc điểm riêng trong hệ thống hình tượng của tác phẩm. HTTG liên quan đến vai giao tiếp nghệ thuật được nghệ sĩ lựa chọn để tác động đến người đọc qua tác phẩm. Từ khái niệm HTTG mở ra khả năng tiếp cận văn học ở tính toàn vẹn, tính năng động và ý thức sáng tạo độc đáo của nghệ sĩ.

Đặc điểm giới tính có ảnh hưởng không nhỏ đến cá tính sáng tạo của nghệ sĩ. Tìm hiểu HTTG nữ trong thơ chống Mỹ có thể cung cấp những căn cứ cụ thể để hình dung về vẻ đẹp, phẩm chất nữ tính và những đóng góp không thể thay thế của thơ nữ vào thành tựu văn học giai đoạn này.

Tác phẩm văn học bao giờ cũng tồn tại dưới một hình thức thể loại nhất định. Trong mỗi thể loại, HTTG mang những nét đặc thù riêng. Tìm hiểu HTTG nữ trong thơ chống Mỹ giúp ta hiểu sâu sắc hơn những vấn đề lý thuyết liên quan đến thơ trữ tình.

**1.2.** Thơ nữ thời chống Mỹ vừa nối tiếp truyền thống, vừa khẳng định giá trị của bộ phận văn học nữ trong lịch sử văn học dân tộc. Không chỉ đương thời mà cả sau này, các nhà nghiên cứu phê bình và đông đảo bạn đọc mến mộ, đánh giá cao thi phẩm của Thuý Bắc, Xuân Quỳnh, Phan Thị Thanh Nhàn, Lâm Thị Mỹ Dạ, Ý Nhi, Lê Thị Mây và nhiều tác giả nữ khác. Tiếng nói từ trái tim của họ vừa hoà vào mạch thơ chung, vừa thể hiện phong phú dấu ấn, dáng dấp, cốt cách đầy nữ tính trong bản lĩnh cá tính sáng tạo. Đó cũng là cơ sở để chúng ta nhận ra vẻ đẹp độc đáo của mỗi nhà thơ, của cả thế hệ, cả thời đại văn học chống xâm lược hào hùng.

**1.3.** Một số tác giả, tác phẩm thơ nữ thời chống Mỹ được tuyển chọn, đưa vào chương trình tiếng Việt và Văn học (chính khoá và ngoại khoá) các cấp học phổ thông, vào chương trình Ngữ Văn Cao

đảng, Đại học. Hướng nghiên cứu của đề tài sẽ cung cấp thêm những tài liệu tham khảo hữu ích, bổ sung cách tiếp cận giúp giáo viên, sinh viên, học sinh có cái nhìn sâu sắc khi cảm nhận, phân tích, đánh giá tác phẩm văn chương, góp phần tích cực vào việc nâng cao chất lượng dạy học.

**1.4.** Tìm hiểu HTTG nữ trong thơ chống Mỹ còn là đề tài có ý nghĩa giáo dục cho nhiều thế hệ học sinh, sinh viên ra đời sau đại thắng mùa xuân 1975 chỉ được biết về cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước qua ký ức của cha anh, qua tác phẩm văn chương.

## II. LỊCH SỬ VẤN ĐỀ

### 2.1. Các cách hiểu về vấn đề và khái niệm hình tượng tác giả

#### 2.1.1. *Vài nét về tình hình nghiên cứu hình tượng tác giả của các học giả nước ngoài*

*Tác giả* với tư cách người sáng tạo ra thế giới nghệ thuật đã được giới nghiên cứu phê bình đề cập rất sớm. Ở *phương Đông*, nhiều công trình bàn luận về nghệ thuật đã đề cập đến người sáng tác, đáng chú ý nhất là tác phẩm của Lưu Hiệp, Nghiêm Vũ, Chu Bật, Khương Quỳnh, Ngụy Khánh Chi, Kim Thánh Thán, Lý Trác Ngô... Các tác giả thời Tùy, Đường, Tống quan niệm “*Văn như kỳ nhân*” .

Ở *phương Tây*, từ cổ đại Hy Lạp, Aristote đã sớm nói đến *thi pháp học*. Sau Aristote, các tác giả khác như Horace, Lessing... khi bàn về nghệ thuật cũng chưa trực diện nói đến tác giả. Đến thế kỷ XVIII, với quan niệm “*Phong cách ấy là con người*”, Buffon mới chỉ đặt vấn đề phong cách của nhà văn. Hegel (1770 - 1831) là người có đóng góp đặc biệt khi lý giải vai trò và biểu hiện của tác giả trong sáng tạo nghệ thuật.

Những công trình trên đặt nền tảng ban đầu cho việc nghiên cứu HTTG. Tuy nhiên, HTTG với tư cách một phạm trù thi pháp học xuất hiện rất muộn.

Cuối thế kỷ XIX đầu XX, M.Bakhtin (1895-1975), đã nghiên cứu HTTG với tư cách nhà nghệ sỹ, phát hiện và nghiên cứu hình thức cái

nhìn của nhà văn qua tác phẩm “*Những vấn đề thi pháp Đôxtôiépki*”(1929), *Những vấn đề văn học và mỹ học* (1975). Nghiên cứu *Sáng tác của Francois Rabelais và nền văn hóa dân gian trung cổ và phục hưng* (1965) ông đã tìm thấy tín hiệu đích thực về tâm thế đặc thù của người viết thể hiện qua tiếng cười nghịch tặc, bất kính có khi bất nhã và suông sã được diễn tả trong tác phẩm.

M.B. Khrapchenco [1904 – 1986], với “*Cá tính sáng tạo của nhà văn và sự phát triển của văn học*”(1970), “*Những vấn đề lý luận và phương pháp luận nghiên cứu văn học*”(2002) đã đề cập đến HTTG trên phương diện thể hiện. A.Chichêrin với “*Nhịp điệu của hình tượng*”, V.Vinogradov qua một số công trình “*Vấn đề tác giả và lý thuyết phong cách*”, “*Lý thuyết ngôn từ nghệ thuật*” và “*Phân tích phong cách học*”; W.Booth với “*Tu từ học tiểu thuyết*” và cả I.W.Goethe cũng đều khẳng định trong tác phẩm luôn có một HTTG.

Vào những năm 60 thế kỷ XX, các công trình *Độ không của lối viết* (Roland Barthes), *Bản mệnh của lý thuyết* của (Antoine Compagnon) đã đặt vấn đề về “*lối viết*” và “*cái sinh thể bằng giấy*” tồn tại trong tác phẩm.

Như vậy có thể thấy, nhiều học giả các nước đã nêu vấn đề HTTG, khẳng định *trong tác phẩm, tác giả hiện ra một cách đặc biệt*. Các nhà nghiên cứu đã bàn về vai trò, ý nghĩa của HTTG trong tác phẩm, nhưng vẫn chưa phân biệt rạch ròi giữa HTTG và tác giả tiểu sử, còn lẫn lộn tác giả với tư cách là chủ ý và tác giả với tư cách là phong cách.

### **2.1.2. Vài nét về tình hình nghiên cứu hình tượng tác giả ở Việt Nam**

Ở nước ta, những vấn đề lý thuyết về nhà văn, quá trình sáng tác, phong cách cũng sớm được trình bày trong tài liệu và sách giáo khoa lý luận văn học từ những năm 60 của thế kỷ trước. Tuy nhiên *tác giả* và *HTTG* như là vấn đề, khái niệm của thi pháp học mới được các nhà khoa học Việt Nam giới thiệu và nghiên cứu từ những năm 1980 trở lại đây qua các công trình nghiên cứu của Trần Đình Sử, Nguyễn Hải Hà, Đỗ Đức Hiếu, Lê Ngọc Trà, Lại Nguyên Ân, Đỗ Lai Thúy, v.v...

Nhà nghiên cứu Trần Đình Sử có công đầu giới thiệu một hệ thống nhiều vấn đề về lý thuyết thi pháp học hiện đại. Ta có thể tìm hiểu vấn đề tác giả và HTTG qua các chuyên luận *Thi pháp thơ Tố Hữu, Thi pháp Truyện Kiều, Thi pháp văn học trung đại...*, các bản dịch giới thiệu công trình của M.Bakhtin (*Những vấn đề thi pháp Đôxtôiépki*), M.B.Khrapchenko (*Những vấn đề lý luận và phương pháp luận nghiên cứu văn học*), và nhiều bài viết khác trên báo, tạp chí. Khi nêu “khái niệm tác giả như một phạm trù thi pháp”, ông đã phân biệt tác giả tiểu sử với HTTG, chỉ ra các phương diện tự biểu hiện của khái niệm này. Ở công trình “*Thi pháp Truyện Kiều*” (2002), ông đã lý giải “hình tượng tác giả Truyện Kiều”, giúp người đọc cảm nhận hình tượng Nguyễn Du trong tác phẩm.

Khái niệm “hình tượng tác giả” như một “thuật ngữ văn học” được trình bày trong cuốn “*Từ điển thuật ngữ văn học*” (Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi đồng chủ biên, 1992, chỉnh lý bổ sung 2006), và cả trong “*150 thuật ngữ văn học*” (Lại Nguyên Ân, 1995, tái bản lần thứ ba 2004).

Khi bàn về *Thơ và mấy vấn đề trong thơ Việt Nam hiện đại* (1974), Hà Minh Đức đã phân tích, lý giải cái tôi, nhân vật trữ tình, hiện thực đời sống và thơ, cảm hứng thời đại trong văn chương và mối quan hệ đặc biệt giữa chúng. Lê Lưu Oanh với “*Thơ trữ tình Việt Nam 1975 - 1990*” (1996) đã so sánh kiểu nhà thơ với HTTG. Nguyễn Đăng Điệp tiếp cận HTTG để lý giải “*Giọng điệu trong thơ trữ tình*”. Ngoài ra, có thể tìm thấy những ý kiến liên quan trong nhiều bài viết về tác giả, tác phẩm cụ thể: *Thơ Chính Hữu và cá tính sáng tạo, Thơ Nguyễn Khoa Điềm - một giọng trữ tình giàu chất sử thi, Nguyễn Duy - người thương mến đến tận cùng chân thật, Anh Ngọc - một gương mặt thơ chống Mỹ (Vũ Văn Sỹ), Nhà thơ Phạm Ngọc Cảnh, Lê Minh Quốc và hành trình đến với thơ ca... (Lưu Khánh Thơ), Dương Kiều Minh và nhu cầu làm mới thơ, Lê Anh Xuân nhập cuộc và sáng tạo, Thu Bồn từ thơ đến trường ca, Thanh Thảo - gương mặt thơ tiêu biểu sau 1975,*

*Thanh Tịnh đời và thơ* (Bích Thu), *Chế Lan Viên trải nghiệm và tìm kiếm*, *Vũ Đình Liên với ông đồ*, *Bình dị và hào hoa Quang Dũng*, *Trần Hữu Thung với dăm, vè, ca dao* (Phong Lê)...

Rõ ràng đã có nhiều ý kiến thể hiện cách hiểu về tác giả và HTTG trong các công trình nghiên cứu trên thế giới và trong nước. Đó là những cơ sở để chúng tôi kế thừa khi tìm hiểu vấn đề luận án đặt ra.

## **2.2. Các ý kiến về hình tượng tác giả nữ trong nghiên cứu văn học ở Việt Nam**

### **2.2.1. Từ góc độ lý luận phê bình chung**

Thế kỉ thứ XVIII, trong “*Lưu hương ký*”, Nham Giác Phu Tồn Phong Thị đã cho rằng *Hồng Hà nữ tử*, *Phan Mi Anh*, *Xuân Hương* thực là những bậc tài nữ.

Đầu thế kỉ XX, Phan Khôi - chủ bút báo *Phụ nữ tân văn*, đặt vấn đề nghiên cứu văn học của phụ nữ qua các bài viết: “*Chữ quốc ngữ ở Nam kỳ với thế lực của phụ nữ*”, “*Văn học với nữ tánh*”. Năm 1928, Phan Thị Bạch Vân - chủ bút *Nữ lưu thơ quán*, đã cho xuất bản nhiều ấn phẩm có giá trị đấu tranh cho nữ quyền. Năm 1929, Trịnh Đình Rư nêu vấn đề *Thơ văn với nữ giới* trên “*Phụ nữ tân văn*” số 18. Năm 1932, Nguyễn Thị Kiêm bàn về vấn đề “*Nữ lưu và văn học*”. Cuốn “*Thi nhân Việt Nam*”(Hoài Thanh, Hoài Chân) đã giới thiệu một số tác giả nữ: Thu Hồng, Anh Thơ, Vân Đài, Mộng Tuyết, Hằng Phương... Năm 1942, Hoa Bằng công bố bài “*Lịch trình tiến hoá của văn học phụ nữ ta*”, Ái Lang viết bài “*Triển vọng của văn học phụ nữ Việt Nam hiện đại*”, chỉ ra những đặc điểm chung trong tác phẩm của nữ : “*nặng về tình cảm, yếu đuối uỷ mị*”. Các tác giả trên tuy chưa dùng khái niệm HTTG nhưng những nhận xét về tác phẩm của các nữ sĩ đầu XX đã hướng cho luận án cái nhìn để so sánh với đối tượng trong đề tài.

Sau 1945, trong một phần nội dung cuốn sách *Việt Nam văn học nửa thế kỉ* (1945-1995), Đỗ Bạch Mai đã khái quát về thơ nữ Việt Nam. Năm 1993, Huỳnh Như Phương viết bài “*Văn chương nữ giới - một cách thể hiện ở đời*”. Tạp chí Văn học số 6/1996 đăng tải nhiều ý kiến của các



nhà nghiên cứu Đặng Anh Đào, Lại Nguyên Ân, Phạm Xuân Nguyên, Vương Trí Nhàn, Văn Tâm, Lê Minh Khuê, Võ Thị Hảo, Đặng Minh Châu, Ngô Thế Oanh... về “*Phụ nữ và sáng tác văn chương*”; nhiều người thừa nhận “*phụ nữ làm văn chương là can thiệp vào thế giới bằng chính nữ tính của mình*”. Trong *Hợp tuyển các công trình nghiên cứu* (2001) của Khoa Ngữ Văn, Đại học Sư phạm Hà Nội, ở bài viết “*Suy nghĩ về đặc điểm của nữ văn sỹ*”, Phương Lựu nhận xét: nhà văn nữ có “*mặt mạnh và yếu điểm riêng*”. Theo Trần Mạnh Tiến, “*Lý luận phê bình văn học Việt Nam đầu thế kỷ XX*” đã thể hiện “*cái nhìn mới mẻ về tiềm năng của người phụ nữ*” trong văn học. Từ góc độ lý luận phê bình chung, các nhà nghiên cứu đã nhận xét về cái nhìn, khả năng liên tưởng, tình cảm, phạm vi bao quát đề tài... của sáng tác nữ.

### **2.2.2. Từ các bài nghiên cứu về thơ nữ thời chống Mỹ**

Về Xuân Quỳnh, bài viết của các tác giả Lại Nguyên Ân, Nguyễn Xuân Nam, Lưu Khánh Thơ, Vương Trí Nhàn, Chu Văn Sơn, Đoàn Thị Đặng Hương, Lê Lưu Oanh, Nguyễn Quân, Mai Hương, Nguyễn Thị Bích Ngọc, Lê Thị Ngọc Quỳnh, Nguyễn Thị Minh Thái, Trần Đăng Suyên, Trần Thị Thìn... đã ít nhiều chú ý đến bóng dáng số phận, cuộc đời tác giả trong tác phẩm.

Trong những ý kiến phê bình thơ Lâm Thị Mỹ Dạ, các tác giả Hồ Thế Hà, Ngô Minh nhận xét về mối quan hệ giữa tác giả tiểu sử và HTTG, cho rằng “*chất trực cảm mạnh mẽ ấy khơi nguồn từ chính cuộc đời chị*”.

Thơ Ý Nhi cũng được các nhà phê bình quan tâm. Mã Giang Lân, Anh Ngọc đã từ thơ của chị nêu nhận định “*Sức mạnh của nữ tính thật là ghê gớm, chính họ đã tạo dựng lên những hậu phương ngay giữa lòng tiền tuyến*”.

Theo các tác giả Võ Văn Trực, Nguyễn Châu Giang, Trần Đăng Suyên, Đoàn Thị Đặng Hương... , trong thơ Nguyễn Thị Hồng Ngát “*ta có thể gặp mọi cung bậc của tình yêu, từ những rung động ban đầu xốn xang run rẩy nhất đến cái tình đầm địu tròn đầy đã chín*”.

Viết về thơ Lê Thị Mây, các tác giả Vũ Quân Phương, Đinh Quang Tồn, Hà Ánh Minh, Anh Ngọc nhận thấy “*miền sâu kín với những ám ảnh về chiến tranh*” được thổi vào trang thơ chị.

Như vậy là, từ góc nhìn cụ thể, các tác giả đã cảm nhận mối quan hệ giữa tác giả tiểu sử và HTTG trong thơ, dù mới chỉ dừng lại ở mức khái quát thế giới trữ tình mà chưa đi sâu tìm hiểu HTTG. Chưa có công trình nào trực tiếp và nghiên cứu có hệ thống, chuyên sâu về *hình tượng tác giả nữ trong thơ thời chống Mỹ*.

### III. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU

#### 3.1. Tên đề tài: *Hình tượng tác giả nữ trong thơ thời chống Mỹ*

3.2. Phạm vi khảo sát của luận án: Có nhiều tác giả thơ nữ thời chống Mỹ. Chúng tôi tập trung tìm hiểu đề tài qua khảo sát một số tác giả nữ tiêu biểu: Xuân Quỳnh, Lâm Thị Mỹ Dạ, Ý Nhi, Nguyễn Thị Hồng Ngát, Phan Thị Thanh Nhàn, Lê Thị Mây; đồng thời chú ý đến thơ viết ở giai đoạn này của Anh Thơ, Việt Anh, Thúy Bắc, Trần Thị Mỹ Hạnh, Cẩm Lai, Hoàng Thị Minh Khanh...

### IV. NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU

Luận án nghiên cứu *hình tượng tác giả nữ trong thơ thời chống Mỹ* qua một số gương mặt tiêu biểu, với nhiệm vụ:

4.1. Trên những thành tựu đã có, cụ thể hơn khung lý thuyết về HTTG làm cơ sở cho việc khảo sát các hiện tượng văn học cụ thể.

4.2. Chỉ ra những biểu hiện, những đặc điểm của HTTG nữ trong thơ thời chống Mỹ qua các vai giao tiếp nghệ thuật.

4.3. Chỉ ra những biểu hiện, những đặc điểm của HTTG qua các phương diện thể hiện nghệ thuật trong thơ nữ thời chống Mỹ.

Từ đó luận án nêu lên ý nghĩa của việc nghiên cứu HTTG, chỉ ra giá trị đích thực và những đóng góp quan trọng của thơ nữ thời chống Mỹ, cũng như trong thơ ca dân tộc.

### V. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Trên cơ sở phương pháp luận duy vật biện chứng, luận án vận dụng phương pháp nghiên cứu hệ thống, phương pháp so sánh lịch sử

và so sánh loại hình để giải quyết đề tài. Luận án cũng vận dụng những thao tác cụ thể như: khảo sát, thống kê, phân tích, tổng hợp, so sánh đồng đại và lịch đại (thơ nữ với thơ nam thời chống Mỹ, thơ nữ thời chống Mỹ với thơ nữ trước và sau thời kỳ đó)...

## VI. NHỮNG ĐÓNG GÓP CỦA LUẬN ÁN

Theo chúng tôi, luận án có những đóng góp sau:

**6.1.** Về lý thuyết, trên cơ sở thành quả nghiên cứu của những người đi trước, trong phạm vi tư liệu bao quát được, luận án hệ thống hóa những cách hiểu về vấn đề tác giả và HTTG, về những phương diện liên quan đến khái niệm, những biểu hiện của HTTG, HTTG nữ, HTTG trong thơ trữ tình... làm cơ sở cho việc khảo sát hiện tượng văn học cụ thể.

**6.2.** Lần đầu tiên HTTG nữ trong thơ thời chống Mỹ của Xuân Quỳnh, Lâm Thị Mỹ Dạ, Phan Thị Thanh Nhàn, Lê Thị Mây, Ý Nhi, Nguyễn Thị Hồng Ngát... được nghiên cứu một cách có hệ thống; chỉ ra những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật biểu hiện; vẻ đẹp sử thi và nét riêng đầy nữ tính của HTTG nữ trong thơ giai đoạn này. Thông qua đó, luận án góp phần tái hiện diện mạo thơ nữ thời chống Mỹ vất vả, gian khổ mà hào hùng của dân tộc.

**6.3.** Luận án là một tài liệu tham khảo bổ ích cho giáo viên, học sinh, sinh viên về những vấn đề lý thuyết và lịch sử văn học liên quan đến HTTG, đến thơ nữ thời chống Mỹ cũng như việc dạy - học tác giả, tác phẩm liên quan được chọn giảng trong chương trình Ngữ Văn ở các bậc học.

## VII. KẾT CẤU CỦA LUẬN ÁN

Ngoài phần mở đầu và kết luận, luận án gồm 3 chương:

**Chương I.** Hình tượng tác giả nữ trong thơ trữ tình

**Chương II.** Vai giao tiếp nghệ thuật của hình tượng tác giả nữ trong thơ thời chống Mỹ

**Chương III.** Những phương diện thể hiện nghệ thuật của hình tượng tác giả nữ trong thơ thời chống Mỹ

Luận án còn có phần tài liệu tham khảo

## Chương I. HÌNH TƯỢNG TÁC GIẢ NỮ TRONG THƠ TRỮ TÌNH

### 1.1. HÌNH TƯỢNG TÁC GIẢ TRONG TÁC PHẨM VĂN HỌC

#### 1.1.1. Khái niệm hình tượng tác giả

##### *1.1.1.1. Hình tượng tác giả là một kiểu nhân vật văn học đặc thù*

*HTTG là dạng thức tồn tại đặc thù của chủ thể giao tiếp nghệ thuật trong tác phẩm.* HTTG là kết quả sáng tạo nghệ thuật của tác giả tiểu sử, giữa chúng có nhiều quan hệ thống nhất mà không đồng nhất. Tác giả tiểu sử là người tạo dựng HTTG và để lại dấu ấn nhân cách của mình trong tác phẩm văn học. Tác giả tiểu sử là một phạm trù xã hội, nằm bên ngoài tác phẩm, còn HTTG nằm bên trong tác phẩm, là phạm trù của thi pháp học.

*HTTG là một hình tượng đặc thù trong tác phẩm.* HTTG có quan hệ gắn bó, thống nhất nhưng không đồng nhất với các hình tượng nhân vật khác trong tác phẩm. *Tư tưởng, quan điểm, vị trí đứng, tầm nhìn của HTTG cao hơn, bao trùm lên các nhân vật* được miêu tả, thể hiện trực tiếp và cả các *hình tượng tồn tại ở cấp độ gián tiếp* (nhân vật người kể chuyện, người dẫn chuyện, nhân vật trữ tình) trong tác phẩm. Có thể mô hình hoá các cấp độ ngày càng cụ thể như sau: Hình tượng tác giả → Người kể chuyện → Nhân vật (tác phẩm tự sự); Hình tượng tác giả → Nhân vật trữ tình (tác phẩm trữ tình).

##### *1.1.1.2. Hình tượng tác giả và vai giao tiếp nghệ thuật*

Gọi HTTG là một kiểu nhân vật, vì trong tác phẩm, bao giờ tác giả cũng tự chọn một vai nào đó để giao tiếp. Vai giao tiếp đó có chức năng thông qua văn bản tác phẩm “thể hiện cách tự ý thức của tác giả về vai trò xã hội và vai trò văn học của mình, một vai trò được người đọc chờ đợi”.

*Về phương diện văn học, vai giao tiếp là chủ thể của lời nói nghệ thuật, phát ngôn một chỉnh thể ngôn từ, tạo dựng thế giới nghệ thuật kêu gọi, lôi cuốn, hấp dẫn bạn đọc. Về phương diện xã hội, vai giao tiếp*

là chủ thể phát ngôn thái độ, tình cảm, quan niệm về đời sống, con người. Vai giao tiếp vừa độc đáo, cụ thể, vừa thể hiện tư tưởng xã hội thẩm mỹ của tác giả, bày tỏ cách đánh giá các hiện tượng, sự kiện của đời sống. Thông qua vai giao tiếp, người đọc có thể cảm thụ được ý thức về vai trò xã hội và vai trò văn học mà nhà văn mong muốn thể hiện.

### ***1.1.1.3. Tính chất độc đáo cá nhân và tính chất loại hình của hình tượng tác giả***

HTTG là hiện tượng vừa có tính chất độc đáo cá nhân, vừa thuộc một loại hình, một kiểu HTTG nào đó.

Mỗi nghệ sỹ là một cá tính sáng tạo. Do vậy, từ toàn bộ tác phẩm của nghệ sỹ, có thể khái quát nét độc đáo ý thức xã hội và ý thức văn học - khái quát HTTG - mà nghệ sỹ thể hiện trong giao tiếp nghệ thuật với bạn đọc. Qua sự nghiệp sáng tác, mỗi tác giả tự thể hiện hình tượng của mình, không giống với hình tượng của các tác giả khác.

*Thể loại* là hình thức tồn tại chính thể của tác phẩm văn học. Các đặc điểm thể loại hàm chứa những ước lệ của giao tiếp nghệ thuật, định hướng sự lựa chọn, biểu hiện của tác giả trong sáng tác. Do vậy, ở mỗi thể loại, HTTG có những đặc điểm khác nhau, “HTTG có tính chất loại hình thể loại sâu sắc”.

Cũng như các hình thái ý thức xã hội khác, văn học nghệ thuật chịu sự quy định chung của hoàn cảnh lịch sử, xã hội, thẩm mỹ. *Mỗi giai đoạn, thời đại lịch sử* vừa tạo điều kiện, vừa đòi hỏi sự xuất hiện, ra đời của những kiểu HTTG tương ứng.

*Đặc điểm giới tính* cũng ảnh hưởng đến HTTG mà nghệ sỹ sáng tạo. Tác giả nữ có cách tự thể hiện mình khác với tác giả nam. Giới tính ảnh hưởng đến cuộc sống, quan hệ xã hội, tâm hồn, tư tưởng, quan niệm nghệ thuật, các vai giao tiếp mà tác giả lựa chọn khi sáng tạo, tạo nên sự khác biệt giữa kiểu HTTG nam với HTTG nữ.

## **1.1.2. Sự biểu hiện của hình tượng tác giả trong sáng tác**

### ***1.1.2.1. Tự biểu hiện của hình tượng tác giả***

Tự hình dung mình trong tác phẩm là biểu hiện đầu tiên và rõ nét của HTTG. Dễ thấy nhất là tự biểu hiện qua cách xưng *tôi*. Đó là cái

tôi của một *nhân cách văn hóa*, của *quan niệm xã hội thẩm mỹ* về cuộc sống và con người được biểu hiện trong tác phẩm.

Có khi HTTG tự biểu hiện qua *bóng dáng*, qua *tên riêng*, *nét tính cách*, tự giới thiệu *những địa danh cụ thể của quê hương*, cả *tuổi đời*, *nghề nghiệp*, *kỷ niệm tuổi thơ*, *gia cảnh riêng...* của tác giả. “*Mỗi nhà văn bất kể muốn hay không, đều miêu tả chính mình trong tác phẩm của mình một cách đặc biệt*”.

### **1.1.2.2. Cái nhìn nghệ thuật**

Cái nhìn nghệ thuật là *vấn đề then chốt* trong sáng tác văn học bởi nó phản ánh *cách nhìn*, *khả năng khái quát*, *đề xuất* những vấn đề của cuộc sống. Cái nhìn xuất phát từ chủ thể thẩm mỹ mang *thị hiếu* và *tình cảm* nhất định. Là xuất phát điểm của cấu trúc nghệ thuật, cái nhìn bao giờ cũng *bộc lộ lập trường*, *quan điểm thẩm mỹ* chủ thể nghệ thuật.

### **1.1.2.3. Giọng điệu**

Giọng điệu là cách biểu hiện *tấm lòng*, *thái độ*, *cách đánh giá* của nghệ sỹ với các hiện tượng đời sống. Nó là *hiện thân ý thức của tác giả* trong giao tiếp với người đọc. *Mỗi tác phẩm*, *tác giả có thể có giọng điệu riêng*. *Mỗi thể loại*, *mỗi thời đại văn học* có giọng điệu cơ bản của mình, tác động, chi phối giọng điệu của các tác giả, tác phẩm cụ thể.

## **1.2. HÌNH TƯỢNG TÁC GIẢ TRONG THƠ NỮ**

### **1.2.1. Hình tượng tác giả trong thơ trữ tình**

Tác phẩm trữ tình cổ kim “*đều là sự hiện diện của cái tôi*”. HTTG trong thơ trữ tình có cấu tạo đặc biệt, *ít yếu tố tạo hình mà chủ yếu mang yếu tố biểu hiện*. Mức độ *hiện diện* HTTG ở thể loại thơ trữ tình khá rõ. Tự biểu hiện trở thành nguyên tắc phản ánh đặc trưng của thơ trữ tình. Ghindobua cho rằng: “*nhà thơ luôn thường xuyên hình dung về mình, tự giới thiệu mình trong tác phẩm của họ*”.

## **12.2. Hình tượng tác giả nữ**

### **1.2.2.1. Cơ sở giới tính**

*Cơ sở tâm sinh lý và xã hội*: Theo kết quả điều tra của các nhà tâm lý học Hoa Kỳ, phụ nữ luôn *hướng nội*, *nặng về tình cảm*, “*tìm sự*

*nững niu, nuông chiêu, trò chuyện, đồng cảm, hòa thuận và chưa tìm thấy sự hài hòa cân đối với lý trí và trí tuệ”.*

Sự phân biệt giữa cách sống, ăn mặc, đi đứng, nói năng, mọi hành vi, cư xử, trách nhiệm nghĩa vụ đối với gia đình, xã hội... góp phần làm nên giới tính.

*Yếu tố giới tính có ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình sáng tạo của nghệ sĩ, đến cách lựa chọn đề tài, cách xây dựng hình tượng, chọn vai giao tiếp nghệ thuật, hình ảnh, chi tiết, ngôn ngữ giọng điệu.*

### **1.2.2.2. Hình tượng tác giả nữ và vai giao tiếp nghệ thuật**

HTTG nữ thường giao tiếp qua vai công dân và vai gia đình. Trong vai gia đình, HTTG nữ tự xưng chị, em, mẹ để giao tiếp nghệ thuật và thể hiện mọi mối quan hệ. Trong vai công dân, HTTG nữ thể hiện nghĩa vụ, trách nhiệm của người công dân có ích với xã hội, Tổ quốc. Những dấu ấn giới tính tiềm ẩn trong sáng tác là yếu tố góp phần làm nổi rõ HTTG nữ.

## **1.3. VÀI NÉT VỀ HÌNH TƯỢNG TÁC GIẢ NỮ TRONG THƠ TRỮ TÌNH VIỆT NAM**

### **1.3.1. Hình tượng tác giả nữ trong thơ ca dân gian**

Trong thơ ca dân gian, qua tâm sự, tình ý, lời văn được gửi gắm, người ta có thể tìm thấy một kiểu HTTG nữ xuất hiện với sự cam chịu phận bọt bèo; với niềm tự hào ý nhị về vẻ đẹp hình thể, vẻ đẹp tâm hồn, nhân cách; hướng cái nhìn đến những khía cạnh đời sống thường nhật trong xã hội, nói tiếng nói bất bình phản kháng lại các thế lực đè nén.

### **1.3.2. Hình tượng tác giả nữ trong thơ ca trung đại**

HTTG nữ trong thơ trung đại không chỉ thả hồn cùng thiên nhiên cao rộng để biểu hiện con người mực thước, tuân thủ quy phạm mà còn bày tỏ quan niệm giá trị về kiểu người có cá tính sáng tạo, thể hiện ý thức cá nhân khá rõ nét. Ý thức đó được biểu hiện qua cách miêu tả người phụ nữ trong vẻ đẹp dung nhan, luôn trở về với bản năng giới tính, trải tấm lòng vừa sâu muện vừa lên tiếng đòi quyền hạnh phúc lứa đôi.

### 1.3.3. Hình tượng tác giả nữ trong thơ hiện đại

Đầu thế kỷ XX, HTTG nữ chủ yếu thể hiện cái nhìn nghệ thuật về gia đình và cuộc sống với những số phận cá nhân, bộc bạch tâm sự buồn vui, khát vọng riêng tư, nỗi đau nhân thế.

Sau 1945, trong văn học cách mạng, HTTG nữ thể hiện tư thế và phẩm chất con người làm chủ bản thân và cuộc đời, mang tiếng nói, hơi thở ấm áp, đầy nhiệt huyết, trẻ trung sôi nổi, mang giọng điệu, sắc thái riêng, có cá tính, gắng gỏi vượt lên những phạm vi riêng tư, sống mạnh mẽ hơn, xứng đáng hơn với cộng đồng. Đây là thời kỳ văn học thể hiện tinh thần *Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh*.

Thời kỳ đổi mới, HTTG nữ hiện lên trong thơ có nét mới, khẳng định bản thể trẻ trung, hoà vào dòng chảy của thử nghiệm, cách tân, bộc lộ mạnh mẽ cái tôi cá nhân, có khi âm thầm lặng lẽ mà bút pháp quyết liệt, tinh tế nhạy bén với những cảm xúc đơn lẻ và phô diễn bằng hình thức nghệ thuật có nhiều tìm tòi đổi mới.

Trong dòng chảy thơ ca dân tộc, HTTG nữ xuất hiện và đổi thay theo những mô hình khác nhau. Thơ nữ luôn lấp lánh ánh nhìn đầy nữ tính, tài hoa, độc đáo trên các chặng đường đã qua, phát huy, phát triển cả về số lượng lẫn chất lượng sáng tác, càng về sau càng độc đáo, những nét duyên riêng của nữ tính càng được thể hiện rõ.



## **Chương 2. VAI GIAO TIẾP NGHỆ THUẬT CỦA HÌNH TƯỢNG TÁC GIẢ NỮ TRONG THƠ CHỐNG MỸ**

### **2.1. MỘT KIỂU THỐNG NHẤT ĐỘC ĐÁO CỦA CÁC VAI GIAO TIẾP NGHỆ THUẬT**

Hoàn cảnh lịch sử xã hội, các chuẩn mực văn hóa - thẩm mỹ thời đánh Mỹ vừa cho phép vừa đòi hỏi sự xuất hiện một mẫu hình nghệ sỹ - chiến sỹ sử dụng văn chương như vũ khí đánh giặc. Giá trị tác phẩm thơ được tính bằng ý nghĩa phục vụ nhiều hay ít cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc. Chính sứ mệnh văn chương đòi hỏi HTTG lựa chọn vai sử thi để giao tiếp nghệ thuật.

Mặt khác, HTTG nữ mang cái nhìn, giao tiếp với cuộc đời bằng chính sự thấm thấu nghệ thuật của tâm hồn phái đẹp. Vì thế cùng với vai văn học mang ý thức sử thi, HTTG nữ còn mang tâm hồn người mẹ, người phụ nữ tinh tế, dịu dàng, cần mẫn, gom góp xây tổ ấm gia đình, xây hạnh phúc. Đó là hai yếu tố cơ bản nhất cấu thành nguyên tắc biểu hiện, cốt nghĩa nghệ thuật trong thơ nữ thời chống Mỹ. Chẳng hạn, vai nữ kết hợp chặt chẽ với vai sử thi để tạo ra một thông điệp về tình mẹ và tình yêu Tổ quốc: *Nhà ta quân giặc đốt/Mẹ ru con dưới hầm sâu/Khẩu súng mẹ treo đầu cột/Vì con sẽ hoá nhiệm màu* (Lâm Thị Mỹ Dạ).

### **2.2. HÌNH TƯỢNG TÁC GIẢ NỮ TRONG VAI GIAO TIẾP SỬ THI**

#### **2.2.1. Hình tượng tác giả nữ và sự nhập vai giao tiếp nghệ thuật**

HTTG nữ trong thơ chống Mỹ đã chọn vai sử thi để giao tiếp nghệ thuật. Thông qua vai sử thi, *HTTG nữ* nhân danh một *công dân* đất Việt để trữ tình. Đó là sự hoá thân của HTTG nữ vào *người chiến sỹ, người thanh niên xung phong, người dân công, người giao liên, người y tá, và với cả thế hệ...* để giao tiếp nghệ thuật.

#### **2.2.2. Hình tượng tác giả nữ và những tình cảm sử thi**

##### ***2.2.2.1. Tình cảm ngợi ca Tổ quốc***

Qua các vai giao tiếp nghệ thuật, HTTG thơ nữ chống Mỹ thể hiện tình cảm ca ngợi Tổ quốc trên các phương diện: *lịch sử, văn hóa, địa*

lý và ngọn Quốc kỳ... Giống như thơ nam, Tổ quốc hiển hiện trong thơ nữ là tượng đài cao đẹp, hùng vĩ, luôn có vị trí đặc biệt trang trọng và thiêng liêng nhất. Niềm tự hào về Tổ quốc như được HTTG nữ khắc lên mỗi dòng thơ.

#### **2.2.2.2. Tình cảm ca ngợi Lãnh tụ**

Cũng đều ngợi ca lãnh tụ, nếu trong thơ nam xuất hiện cái cao cả, vĩ đại với nhiều bài thơ có tầm khái quát lớn như *Người đi tìm hình của nước* (Chế Lan Viên), *Theo chân Bác*, *Bác ơi* (Tố Hữu), thì trong thơ nữ chủ yếu thể hiện nét đẹp của yếu tố đời thường, giản dị, những lời tâm sự ngọt ngào, tha thiết. Vai nữ thường bày tỏ tình cảm kính yêu, ca ngợi Bác Hồ - kết tinh trí tuệ, cốt cách của non sông, đại diện cho dân tộc và thời đại anh hùng. Người hiện lên trong thơ với vẻ đẹp ngoại hình, những phẩm chất cao quý, như lãnh tụ anh minh, như nhà hiền triết mà thân mật, bao dung hiền từ.

#### **2.2.2.3. Tình cảm với những người chiến sĩ**

HTTG thơ nữ thời chống Mỹ thể hiện sự cảm phục, lòng yêu thương, trân trọng với người chiến sĩ. Các nữ thi sĩ đã khắc họa hình tượng người lính trong mối quan hệ hài hòa riêng - chung, mang lý tưởng cao đẹp của tình yêu Tổ quốc và ý chí tuổi hai mươi dồn cảm thù lên đầu súng. Đó là hình tượng tập thể, nổi bật như khối tượng đài khắc họa những khuôn mặt trẻ trung hội tụ từ trăm quê với phẩm chất cao đẹp của con người Việt Nam.

#### **2.2.2.4. Tình cảm với Mẹ Việt Nam**

Mẹ là bức tượng đài về hồn vọng phu sống chịu đựng gian nan thử thách, đợi chờ chung thủy, gan dạ, kiên cường. Những khúc ca về mẹ trong thơ nữ thường nằm ở cung trầm vừa lắng, vừa sâu, ngọt ngào, yêu thương. Mẹ luôn đồng hiện cùng đất nước, cùng dân tộc trong niềm tự hào và ngưỡng vọng của HTTG nữ.

#### **2.2.2.5. Hiện thực chiến tranh**

Hiện thực chống xâm lược Mỹ oanh liệt và hào hùng là hiện thực sử thi. Viết về đời sống chiến tranh với đau thương mất mát, HTTG nữ đã tố cáo tội ác của kẻ thù, thể hiện tình yêu quê hương và lòng căm thù giặc cao độ.

## 2.3. HÌNH TƯỢNG TÁC GIẢ NỮ TRONG VAI NỮ

### 2.3.1. Vai nữ trong sự phân thân

*Trong vai gia đình*, HTTG nữ phân thân vào “em”, “chị”, “mẹ”, “con” để giao tiếp, thể hiện hành động “góp nhặt niềm vui mọi nẻo”, “lặn lội thân cò”, “chịu thương chịu khó” xây tổ ấm hạnh phúc.

*Trong vai hậu phương*, HTTG nữ đem vào văn chương và tỏa sáng vẻ đẹp của thiên tính nữ qua mô típ “đảm đang”, “tháo vát”, “vượt khó”, “tay cày tay súng”, “thay chồng tăng gia sản xuất”, “biết thu vén gia đình”, “công việc đồng áng”...góp phần mình vào sự nghiệp lớn lao cao cả của dân tộc.

### 2.3.2. Vai nữ và ý thức về vẻ đẹp giới

#### 2.3.2.1. Vai nữ và vẻ đẹp ngoại hình

Phụ nữ là “phái đẹp”, luôn gắn với những đường nét, dáng hình rất riêng mà tạo hóa ban tặng - yếu tố làm sáng lên vẻ đẹp thiên tính nữ. Trong thơ nữ có nhiều chi tiết khắc họa nét đẹp “giọng nói”, “da rạm nắng”, “đôi má hồng”, “đôi mắt đen”, “sữa thơm chảy từ ngực mẹ”, “mái tóc xanh”, “tay em thô”, “búi tóc ngang lưng”, “mồ hôi rơi”, “tiếng cười chín mẩy”, “eo thon tóc búi”, “bàn chân vết xước”, “gót chân chai”... Đó là quan niệm về đẹp hình thể gắn với lao động, với chiến trường, với chiến công..., là cái duyên rất riêng khẳng định sức sống bền bỉ, dẻo dai của nữ giới trong chiến tranh.

#### 2.3.2.2. Vai nữ và ý thức về vẻ đẹp phẩm chất

Tâm hồn, tính cách của vai nữ hiện lên trong thơ thật đẹp, với đức hy sinh, cách sống hài hòa, giản dị, nhân hậu. Họ mang trái tim tha thiết, nồng nàn, nhiều cung bậc để yêu thương chồng, con, gia đình, người thân... Trong thơ nữ có nỗi nhớ cồn cào cháy bỏng, gắn với những nếm trải cụ thể, có nỗi nhớ “*thử thách lòng thủy chung*”, có góc nhìn nhân bản về chiến tranh, về cách ứng xử tinh tế, thông minh, dịu dàng, giàu màu sắc tình cảm đặc biệt với mẹ chồng và gia đình chồng của người phụ nữ. Ý thức về nét đẹp phẩm chất của giới luôn được biểu hiện trong thơ nữ.

### **Chương 3. NHỮNG PHƯƠNG DIỆN THỂ HIỆN NGHỆ THUẬT CỦA HÌNH TƯỢNG TÁC GIẢ NỮ TRONG THƠ THỜI CHỐNG MỸ**

#### **3.1. TỰ BIỂU HIỆN CỦA HÌNH TƯỢNG TÁC GIẢ NỮ**

HTTG nữ còn tự biểu hiện một *nhân cách văn hóa*, một *tư tưởng*, một *quan niệm nghệ thuật* về con người và cuộc đời trong thơ. *Tiểu sử, tên riêng, gia cảnh, quê hương, nghề nghiệp* của chủ thể là cách tự biểu hiện HTTG nữ trong thơ.

#### **3.2. HỆ THỐNG BIỂU TƯỢNG**

##### **3.2.1. Những biểu tượng của cái nhìn sử thi**

###### **3.2.1.1. Con đường Trường Sơn – niềm tự hào thế hệ**

Con đường Trường Sơn *huyền thoại* là biểu tượng thiêng liêng về *Tổ quốc*, về *niềm tự hào*, *ý chí*, *lý tưởng tuổi hai mươi* của thế hệ trẻ.

Qua biểu tượng con đường, HTTG nữ đã khẳng định *ý chí độc lập tự do*, *sức mạnh của chân lý*, *sức sống vĩnh hằng của Tổ quốc*, vẻ đẹp của *lý tưởng vẫn tồn tại bất diệt trong lòng bao thế hệ*.

###### **3.2.1.2. Cát - ý thức về cội nguồn sự sống, sự vĩnh hằng của dân tộc**

Trong thơ nữ chống Mỹ, cát là biểu tượng thể hiện hình hài *Tổ quốc* với *sức sống trường tồn*, *vĩnh cửu*; hiện thân *niềm tin yêu*, *lòng lạc quan*, là *sức mạnh chở che* của con người. Qua biểu tượng cát, HTTG nữ bày tỏ những cảm nhận, tự đánh giá về bản thân, kiên cường vượt qua những giới hạn đời người, vươn đến giá trị *vĩnh hằng*.

###### **3.2.1.3. Ngọn lửa - ý chí và niềm tin về một sức sống bất diệt**

Biểu tượng ngọn lửa - luồng sáng hiện lên trong thơ nữ như biểu hiện của *niềm tin yêu*, *sự hy vọng*. Đó cũng là sự thể hiện quan niệm giá trị về *cái nhỏ bé mà bất diệt*, về *sức sống không gì dập tắt được*, về *niềm tin vào sức mạnh lan tỏa*, *bừng dậy* của tinh thần Việt Nam.

###### **3.2.1.4. Đạn bom - lòng căm thù giặc**

Bom đạn bao giờ cũng chỉ sự *hiểm nguy*, *chết chóc*, *ghê gớm*, *kinh hoàng*. Các nhà thơ nữ đã liệt kê hành động *phi nhân tính* của kẻ

thù: “*phá tan tàn*”, “*đốt phá*”, “*trút bom*”, “*dội nát*”, “*quét đi*”, “*hủy diệt*”... Sử dụng biểu tượng đạn bom, thơ nữ vừa phản ánh thực trạng chiến tranh, bộ mặt kẻ thù mang những *rắp tâm, ác độc vô nhân đạo nhất*, vừa biểu hiện lòng căm thù giặc của dân tộc ta.

### **3.2.1.5. Chiếc hầm, chiến hào - khát vọng sống**

Trong thơ nữ chống Mỹ, những căn hầm, những chiến hào hiện lên như nơi *che đạn, che bom, ngăn cản thương vong do lũ giặc* trời gieo rắc, *cưu mang* sự sống con người. Hầm trở thành biểu tượng của nguồn *yêu thương, niềm hy vọng, khát vọng sống* khôn nguôi của con người trong chiến tranh. Biểu tượng đó còn thể hiện ý chí quật cường, thử thách sức sống mạnh mẽ kiên cường của dân tộc qua chiến tranh.

Có thể nói, cũng như thơ chống Mỹ nói chung, thơ nữ giai đoạn này thể hiện rất phong phú cái nhìn, vẻ đẹp sử thi của HTTG.

## **3.2.2. Những biểu tượng của cái nhìn nữ tính**

### **3.2.2.1. Hoa - ý thức về cuộc đời và tâm hồn nữ giới**

Lắng lại sau biểu tượng hoa là ảnh chiếu cuộc đời và số phận con người. Trong ao ước âm thầm, biểu tượng hoa mang bóng dáng người phụ nữ tự ý thức về mình, *dâng hương sắc* cho đời.

### **3.2.2.2. Trầu cau - niềm khát khao về hạnh phúc**

Trầu cau trở thành biểu tượng của nỗi *khát khao, niềm hy vọng, sự đón đợi* hạnh phúc của người con gái đi qua chiến tranh. Biểu tượng trầu cau thể hiện  *tinh thần, giá trị nhân văn* sâu sắc.

### **3.2.2.3. Trái tim, đôi mắt, bàn tay, mái tóc - ý thức về sức mạnh nội lực bản thể nữ**

Qua biểu tượng trái tim, HTTG nữ đã khẳng định sự *giàu có* của *tâm hồn phong phú, tinh tế, thăm thẳm, ấm áp* tình đời, tình người, dịu dàng, mềm mại.

*Đôi mắt* - *cửa sổ tâm hồn* là một biểu tượng mang nét đẹp đầy ý nghĩa, mang nhân quan giá trị, thể hiện thái độ, sự lựa chọn quan niệm sống của HTTG nữ.

*Đôi bàn tay* biểu tượng của *niềm tin yêu, của tính cách nết na, cần mẫn, dịu dàng*, nghị lực sống mãnh liệt trong thơ nữ.

*Mái tóc là biểu tượng đẹp để người đọc cảm nhận về tính cách khéo léo, dịu dàng, chăm chỉ, chu tất của con người. Ở đó còn đan kết tình quốc tế cao cả tạo nên sức mạnh hùng hậu trong cuộc đấu tranh trên mặt trận chính trị, ngoại giao.*

#### **3.2.2.4. Chiếc gương, cái nón - khát vọng về cuộc sống thanh bình**

*Chiếc gương biểu tượng cho sức sống, sự tiềm ẩn vẻ đẹp tính cách đầy nữ tính của con người trong mọi hoàn cảnh. Đó cũng là biểu tượng của thế giới nội tâm vô cùng phong phú, sinh động, dịu dàng, thâm thúy một khát vọng sống hiền hòa đầy yêu thương của vai nữ. Gương còn soi sáng vẻ đẹp tâm hồn, phẩm hạnh, mang giá trị tinh thần để con người điều chỉnh cách sống phù hợp với lý tưởng thẩm mỹ thời đại.*

*Chiếc nón là biểu tượng khác biệt cách nhìn của HTTG nữ về vật dụng mang vẻ đẹp giới. Ngoài công dụng che nắng, che mưa, nón còn là vật làm duyên, làm đẹp, là biểu tượng về cách sống tế nhị, kín đáo, e ấp. Cao hơn thế nón còn là biểu trưng cho hành động phi thường, dũng cảm hy sinh của vai nữ.*

### **3.3. GIỌNG ĐIỆU**

#### **3.3.1. Giọng điệu của vai giao tiếp sử thi**

*Giọng điệu liên kết các yếu tố hình thức, mang tính cá nhân, tính thời đại, chịu sự chi phối của thể loại. Hùng ca, hào sảng và chất rắn rỏi, đống dạc, trang nghiêm là giọng đặc trưng của vai giao tiếp sử thi. Trong thơ nữ giọng điệu sử thi hiện lên oai nghiêm như hiệu lệnh, như tiếng kèn xung trận, như lời mời gọi, hô hào hiệu triệu...Đó là chủ âm chung, nổi bật trên các bè đệm khác để ngợi ca, cổ vũ cả dân tộc chiến đấu chống kẻ thù.*

#### **3.3.2. Giọng điệu của vai nữ**

##### **3.3.2.1. Giai điệu lời ru**

*Ngập tràn trong thơ nữ là giọng điệu lời ru mang thiên chức giới nữ. Lời ru chân tình, dịu dàng, tinh tế, ấm áp tình đời và tình người trở thành món ăn tinh thần vô giá của thơ nữ chống Mỹ.*

*Ru con* là cung bậc trữ tình sâu lắng nhất của vai nữ. Tình yêu con được thổi hồn vào lời ru trở thành sức mạnh giúp vai nữ có thể vượt qua mọi thử thách cam go.

Vai nữ còn *ru chồng, ru đời tha thiết* bằng giọng âu yếm ngọt ngào. Giọng ru là một phương tiện biểu đạt khá quan trọng để thể hiện tâm hồn thiên tính nữ trong thơ.

### **3.3.2.2. Giọng kể chuyện tâm tình**

Thơ không chỉ là văn chương, mà còn là gan ruột, là tâm tư người viết. Vai giao tiếp trong thơ còn biểu hiện giọng kể chuyện tâm tình, *thủ thỉ* cất lên từ tâm hồn, tính cách nữ giới. Nó thường gắn với số phận con người, nỗi đau trong chiến tranh, tâm sự với con, với chồng, với bạn tri kỷ tri âm, với dòng sông, chiếc lá, với doi cát vàng, chuyến phà, vòm cây, mái phố, với mảnh trăng...

Trong thơ nữ có vô vàn lời kể được biểu hiện một cách hồn nhiên, chân tình, giản dị. Giọng kể chuyện tâm tình bộc lộ qua cách sử dụng các *đại từ ngôi thứ nhất* và *lời chêm xen, thán ngữ, tiếng chào...*

## PHÂN KẾT LUẬN

1. Mục tiêu lý thuyết quan trọng của luận án là kế thừa thành quả của những người đi trước, từ việc tìm hiểu tính đặc thù của HTTG trong quan hệ với tác giả tiểu sử, hình tượng người trần thuật, người kể chuyện, nhân vật trữ tình, cái tôi trữ tình... luận án đã kết nối, sắp xếp và hệ thống hóa các khía cạnh khác nhau trong nội hàm và đường biên khái niệm HTTG. Đó là một kiểu hình tượng nhân vật văn học đặc thù, được thể hiện qua vai giao tiếp nghệ thuật, mang tính độc đáo cá nhân, tính loại hình (thể loại, thời đại, giới tính) và tồn tại trong mọi yếu tố của tác phẩm. Có thể cảm nhận về HTTG trong tư cách chủ thể giao tiếp nghệ thuật qua *cái nhìn nghệ thuật, giọng điệu và sự tự biểu hiện, tự miêu tả trong tác phẩm*.

2. Từ cách hiểu về HTTG trong văn học, bằng góc nhìn loại hình thể loại (tự sự, kịch, trữ tình), có thể thấy, so với các thể loại khác, mức độ hiện diện của HTTG trong thơ trữ tình khá rõ, chi phối vai giao tiếp nghệ thuật và diện mạo nhân vật trữ tình. Trên cơ sở giới tính, các yếu tố thể loại và thời đại luận án đã khu biệt ranh giới của HTTG nữ trong thơ trữ tình và điếm qua những nét sơ lược về vai giao tiếp nghệ thuật và sự bộc lộ các kiểu HTTG nữ trong thơ trữ tình từ thơ ca dân gian qua trung đại đến hiện đại. Những vẻ đẹp giới tính, những nét duyên riêng của hình tượng tác giả nữ càng về sau càng đặc sắc và độc đáo.

3. Tìm hiểu HTTG nữ trong thơ trữ tình là cơ sở lý thuyết có ý nghĩa quan trọng cho phép luận án khám phá và nhập sâu vào thế giới nghệ thuật thơ nữ thời chống Mỹ, tìm hiểu, lý giải các vai giao tiếp nghệ thuật hiện diện trong đó. Vai giao tiếp *sử thi* và vai *nữ* là hai phương diện cơ bản nhất biểu hiện cụ thể, khá rõ nét sự thống nhất độc đáo của HTTG nữ. Con người cá nhân mang đặc điểm giới tính có mối quan hệ khăng khít với con người cộng đồng thời kỳ cả dân tộc xả thân giành độc lập, tự do. Trong vai giao tiếp *sử thi*, HTTG nữ hiện hình trong tác phẩm qua hình tượng người *thanh niên xung phong*, người



*dân công, người giao liên, nữ quân y, cô văn công, người lính và cùng với cả thế hệ, cả dân tộc đánh giặc. HTTG trong thơ nữ thời chống Mỹ mang vẻ đẹp, tâm vóc của thế hệ những người chủ công, đi đầu trong lửa đạn, dàn hàng gánh đất nước trên vai.*

Việc tự biểu hiện mình qua vai giao tiếp nghệ thuật đã tạo điều kiện để HTTG nữ thể hiện vẻ đẹp những *tư tưởng, tình cảm lớn của thời đại*. Đó là ý thức về độc lập tự do của Tổ quốc, trân trọng, kính phục, mến mộ người anh hùng sử thi (mà cụ thể là Bác Hồ, người lính, người mẹ Việt Nam anh hùng). Sự hiện diện đầy đủ những phẩm chất cao đẹp của người anh hùng sử thi trong thơ nữ chống Mỹ đã phần nào khẳng định quan niệm về nghệ thuật của HTTG nữ.

4. Cùng sống và viết trong chiến tranh chống Mỹ, ngoài vai sử thi mang nét chung, HTTG nữ còn biểu hiện vai *nữ mang nét riêng khá đặc sắc, thú vị*. Trong sự phân thân vai *gia đình, vai hậu phương*, HTTG nữ triển khai nhiều mô típ “đảm đang”, “tháo vát”, “vượt khó”, “tay súng tay cày”, “chịu thương chịu khó”, “góp nhặt niềm vui”, “xây tổ ấm”, “hậu phương cùng thi đua với tiền phương”...

Ý thức sâu sắc về nét riêng của giới, HTTG trong thơ nữ thời chống Mỹ khắc họa những nhân vật trữ tình với *vẻ đẹp độc đáo*, những *chân dung tự họa* hiện lên thật đa dạng, vừa *rắn rỏi, khỏe khoắn tràn đầy sinh lực* vừa *đẻo dai* trong lao động và chiến đấu, sẵn sàng *hy sinh* tuổi xuân vì Tổ quốc. Cái nhìn của HTTG đã lưu giữ trong thơ thời đạn bom những nét đẹp nữ tính, từ *mái tóc óng ả* chảy dài, *đôi tay thô trần* nắm giữ cuộc đời, *cái dáng eo thon* mềm mại, *má hồng, làn da* ngăm đen, *đôi mắt* long lanh niềm nghĩ ngợi cho đến *vẻ đẹp mẫu tính* trong bản năng làm mẹ mang niềm hạnh phúc sinh nở. Những nét đẹp đó luôn được đặt vào từng hoàn cảnh sống cụ thể, được soi ngắm từ góc nhìn giàu ý nghĩa nhân bản.

Giăng mắc và bện nít hoài trong lòng người đọc là vai nữ luôn hướng *tâm hồn vào những giá trị tốt đẹp* khi ý thức về lẽ sống ở đời. Hiện lên trong thơ là những *nhân cách, những đức hạnh* cao đẹp của

người phụ nữ Việt Nam với trái tim trở về *đúng nghĩa* đập nhịp cùng mọi cung bậc *thành khẩn, tha thiết* và *dâng hiến hết mình*; với nỗi *nhớ gần với tủi hờn*; với lòng *thủy chung* dệt những *sợi nhớ sợi thương* gửi về *khoảng trời anh* được cất lên từ cõi lòng tha thiết yêu thương. Cuộc sống với mọi mối quan hệ phức tạp là nơi *thử thách* cách ứng xử *thông minh, tinh tế* và *giàu bao dung* của nữ giới. *Tự gồng mình* lên gắng gỏi vượt hoàn cảnh chiến tranh là vẻ đẹp tiềm ẩn đầy sức sống của phụ nữ Việt Nam.

4. Sự *tự thể hiện, biểu tượng, giọng điệu* là những phương diện thể hiện nghệ thuật khác nhau của HTTG nữ trong thơ chống Mỹ. *Tiểu sử, tên gọi, nét riêng gia cảnh, nghề nghiệp, nhân cách văn hoá...* được thể hiện trong tác phẩm như là những chi tiết tự biểu hiện của HTTG nữ. Vẻ đẹp thẩm mỹ của HTTG trong thơ nữ thời chống Mỹ được thể hiện qua hai hệ thống biểu tượng chính: những biểu tượng mang tính sử thi (*Con đường Trương Sơn, cát trắng, ngọn lửa, đạn bom, chiếc hầm...*), những biểu tượng đậm chất nữ tính (*bàn tay, trái tim, đôi mắt, chiếc lược, cái gương, mái tóc, chiếc nón, miếng trầu quả cau, hoa cỏ...*). Qua hệ thống biểu tượng, HTTG nữ tự bộc lộ con người của ý thức, nhân cách, tâm hồn nhạy cảm, tinh tế, phong phú... Thẩm thấu, âm vang, vọng sau từng con chữ là *giọng điệu thơ* và cũng là linh hồn thể hiện HTTG nữ. Trong vai sử thi chọn *giọng hùng ca hào sảng*, trong vai nữ chọn *giai điệu lời ru, giọng kể chuyện tâm tình*, HTTG nữ đã thể hiện được tính đa dạng các sắc diện giọng điệu trong thơ chống Mỹ. Dù có nét riêng biệt đầy cá tính trong từng chủ thể sáng tạo làm nên *sự đa dạng của các kiểu giọng điệu* nhưng thơ nữ chống Mỹ vẫn luôn thể hiện những nét chủ âm chung mang màu sắc sử thi và giới tính của mình.

Tìm hiểu HTTG nữ trong thơ chống Mỹ sẽ mở ra tiền đề cho nghiên cứu HTTG qua các thời kỳ với nhiều thể loại văn học khác nhau. Đây là vấn đề lớn đòi hỏi giải quyết nhiều khía cạnh lý luận và thực tế văn học phức tạp, chúng tôi hy vọng có thể tiếp tục ở những công trình sau.

